

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN P TÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 340/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22-9-2022

“V/v ly hôn giữa  
Anh P và chị H”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P TÂN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lý Thị Rỡ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Văn Tám
2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Thiện Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P Tân, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P Tân tham gia phiên tòa:*** Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 260/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 147/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** anh Nguyễn Thành P, sinh năm 1982

Địa chỉ: tổ 4, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh An Giang

**- Bị đơn:** chị Võ Thị Hồng H, sinh năm 1990

Địa chỉ: tổ 7, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang

*(Anh P và chị H vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Thành P trình bày:

Anh và chị Võ Thị Hồng H do quen biết được hai bên gia đình đồng ý, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27/2012 ngày 02 tháng 3 năm 2012.

Sau khi cưới anh chị sống chung với cha mẹ chồng. Anh chị làm nghề giáo viên nhưng đến tháng 03 năm 2018 thì H xin nghỉ dạy vì sức khỏe không

tốt, H chuyển sang học nghề Spa về chăm sóc da, làm tóc ở địa phương nhưng do dịch bệnh làm không có thu nhập nên đến tháng 11 năm 2021 H nói với anh muốn đến Thành phố Hồ Chí Minh làm kiếm tiền nuôi con, anh P đồng ý và đưa H đến Thành phố để tìm chỗ xin việc làm về chăm sóc da, làm tóc.

Từ tháng 01 năm 2022 thì vợ chồng thường mâu thuẫn do H không gọi điện thoại về cho chồng con với lý do bận làm việc. Từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi, H cắt liên lạc với chồng con qua điện thoại và các mạng xã hội. Sau đó, anh P có đến nhà cha mẹ vợ để trình bày mâu thuẫn của vợ chồng thì cha mẹ vợ không những không khuyên ngăn hay hàn gắn cho vợ chồng mà còn bênh vực cho rằng H bận làm việc nên không liên lạc với chồng con.

Khoảng tháng 02 năm 2022, H bị nhiễm Covid nên chủ động liên hệ lại với anh nói hoàn cảnh hiện tại khó khăn không có thu nhập thì anh P mới khuyên H trở về, vợ chồng sẽ tính toán làm ăn lại, anh chuyển tiền cho H về xe. Sau đó H trở về nhà cha mẹ ruột, anh vẫn giữ liên lạc với H. Trong thời gian này cha anh P bệnh cũng vừa xuất viện về, anh P khuyên chị H về thăm cha chồng nhưng chị từ chối vì không khỏe mặc dù đã hết bệnh Covid-19. Anh P đến nhà H thì bị cha mẹ vợ chửi mắng. Đến tháng 04 năm 2022, H yêu cầu anh P làm tờ thỏa thuận ly hôn và gửi đơn khởi kiện đến Tòa án. Nay nhận thấy tình cảm không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên anh yêu cầu ly hôn với chị Võ Thị Hồng H.

Về nuôi con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Phương V, sinh ngày 21/4/2013 và Nguyễn Thị An N, sinh ngày 09/10/2018, cả 02 con sống với anh P từ khi sinh ra đến nay. Nay anh yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Anh Võ Văn H là anh rể của anh Nguyễn Thành P cho biết: Năm 2021 chị H đến Thành phố Hồ Chí Minh làm nghề tóc. Tháng 02/2022 chị H về nhà cha mẹ ruột. anh biết được anh P và chị H có mâu thuẫn với nhau nên đến nhà mẹ ruột chị H hàn gắn nhưng gia đình chị H dùng lời lẽ nặng nề chửi anh P và yêu cầu anh P phải làm đơn ly hôn. Sau đó chị H tiếp tục đến Thành phố Hồ Chí Minh và không liên lạc với chồng con.

*Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:*

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Thành phần Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đúng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định phân công thẩm phán giải

quyết vụ án. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, có đơn đề nghị vắng mặt khi xét xử. Bị đơn chị Võ Thị Hồng H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham dự phiên tòa lần thứ 2, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: anh P và chị H có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 01/2022 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị H đến Thành phố Hồ Chí Minh làm nghề chăm sóc da và làm tóc kiếm thêm tiền lo cho sinh hoạt gia đình, nhưng không liên lạc về thăm hỏi các con, nhiều lần anh P góp ý thì vợ chồng cự cãi cho rằng anh ghen vô cớ và chị H chặn cuộc gọi và tin nhắn với anh P. Tháng 4/2022 chị H và anh P làm tờ thỏa thuận ly hôn và yêu cầu anh P nộp đơn ly hôn. Từ đó đến nay anh chị không liên lạc. Anh P không còn tình cảm với chị H nên yêu cầu ly hôn.

Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ cho nhau... Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau...”. Thế nhưng vợ chồng anh P và chị H đã không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc cho nhau, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 4/2022 cho đến nay, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nguyên đơn anh Nguyễn Thành P xin ly hôn với chị Võ Thị Hồng H là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh P yêu cầu tiếp tục nuôi hai con chung Nguyễn Thị Phương V, sinh ngày 21/4/2013 và Nguyễn Thị An N, sinh ngày 09/10/2018. Xét thấy, cháu V và cháu N đang sống với anh P, được anh và gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, phát triển ổn định. Cháu V có nguyện vọng sống với anh P. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cần tiếp tục giao V và cháu N cho anh P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của cháu V. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Anh P phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Từ các căn cứ nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh P.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị H nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Chị H với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P Tân, tỉnh An Giang.

Bị đơn chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về hôn nhân: Anh P và chị H tiến tới hôn nhân năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu và đăng ký kết hôn, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chung sống đến tháng 01/2022 phát sinh mâu thuẫn do chị H đi làm xa không quan tâm đến con, anh P góp ý chị không đồng ý nên vợ chồng cự cãi và chặn liên lạc qua điện thoại với anh P. Anh chị ly thân từ tháng 4/2022 đến nay. Xét thấy, thời gian ly thân của anh chị kéo dài, vợ chồng không thực hiện nghĩa vụ thương yêu, chung sống với nhau. Không quan tâm đến nhau và anh chị thỏa thuận ly hôn. Nhiều lần Tòa án triệu tập chị H đến hòa giải nhưng chị không tham dự, cho thấy chị không có thiện chí hàn gắn. Hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Nên yêu cầu ly hôn của anh P là phù hợp. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận anh Nguyễn Thành P được ly hôn với chị Võ Thị Hồng H.

[2.2] Về con chung: Anh P và chị H có hai con chung tên Nguyễn Thị Phương V, sinh ngày 21/4/2013 và Nguyễn Thị An N, sinh ngày 09/10/2018. Xét thấy từ khi ly thân đến nay các cháu sống chung anh P, được anh và gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, phát triển ổn định. Ngoài ra, cháu V có nguyện vọng được sống với anh P. Để đảm bảo môi trường phát triển của các con được ổn định, thuận lợi trong việc học tập, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cần tiếp tục giao cháu V và cháu N cho anh P chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh P không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, nên chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, anh P cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa

án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về chia tài sản: Không

[2.4] Về nợ chung: Ghi nhận anh P xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[2.5] Về án phí sơ thẩm, căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án anh Nguyễn Thành P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thành P được ly hôn với chị Võ Thị Hồng H

2. Về con chung: Anh P tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thị Phương V, sinh ngày 21/4/2013 và Nguyễn Thị An N, sinh ngày 09/10/2018, hiện nay cháu V và cháu N đang sống với anh P. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, anh P cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con

3. Về tài sản chung: Không

4. Về nợ chung: Ghi nhận anh P xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Nguyễn Thành P phải chịu 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu

tiền số 0005194 ngày 01/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P Tân. Chị H không phải chịu án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./*

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện P Tân;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện P Tân;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lý Thị Rõ**

